

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số **3391** /DNA-TTV ngày **01** /10/2026)

Số: ; 01/10/2026; 14:43:53; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 12:	Vòng bi, phốt làm kín các loại											
1	Gối đỡ+vòng bi	SYJ 45 TF	Bộ	2						≤60 ngày			
2	Gối đỡ+vòng bi	SYJ 50 TF	Bộ	12						≤60 ngày			
3	Gối đỡ+vòng bi	UCP 205	Bộ	6						≤60 ngày			
4	Gối đỡ+vòng bi	UCP 207/H	Bộ	2						≤60 ngày			
5	Gối đỡ+vòng bi	UCT212-J7	Bộ	2						≤60 ngày			
6	Ống lót trục	99595	Vòng	2						≤60 ngày			
7	Ống lót trục	99491	Vòng	2						≤60 ngày			
8	Ống lót trục	99552	Vòng	2						≤60 ngày			
9	Vòng bi	6311	Vòng	8						≤60 ngày			
10	Vòng bi	6312	Vòng	6						≤60 ngày			
11	Vòng bi	6313	Vòng	4						≤60 ngày			
12	Vòng bi	6314	Vòng	2						≤60 ngày			
13	Vòng bi	6316	Vòng	4						≤60 ngày			
14	Vòng bi	6317	Vòng	4						≤60 ngày			
15	Vòng bi	6319	Vòng	5						≤60 ngày			
16	Vòng bi	6322	Vòng	4						≤60 ngày			
17	Vòng bi	32211	Vòng	2						≤60 ngày			
18	Vòng bi	32312	Vòng	2						≤60 ngày			
19	Vòng bi	33210	Vòng	2						≤60 ngày			
20	Vòng bi	33219	Vòng	2						≤60 ngày			
21	Vòng bi	51114	Vòng	4						≤60 ngày			
22	Vòng bi	51120	Vòng	2						≤60 ngày			
23	Vòng bi	51222	Vòng	3						≤60 ngày			
24	Vòng bi	1312 ETN9	Vòng	2						≤60 ngày			
25	Vòng bi	1316	Vòng	2						≤60 ngày			
26	Vòng bi	2210 ETN9	Vòng	2						≤60 ngày			
27	Vòng bi	2216 ETN9	Vòng	2						≤60 ngày			
28	Vòng bi	22210 E	Vòng	2						≤60 ngày			
29	Vòng bi	22211 E	Vòng	1						≤60 ngày			
30	Vòng bi	22213 E	Vòng	1						≤60 ngày			
31	Vòng bi	22216 E	Vòng	2						≤60 ngày			
32	Vòng bi	22218 E	Vòng	2						≤60 ngày			
33	Vòng bi	22219 E	Vòng	4						≤60 ngày			
34	Vòng bi	22220 E	Vòng	1						≤60 ngày			
35	Vòng bi	22224 E	Vòng	4						≤60 ngày			
36	Vòng bi	22226 E	Vòng	2						≤60 ngày			
37	Vòng bi	22230 CC/W33	Vòng	6						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
38	Vòng bi	22309 E	Vòng	1						≤60 ngày			
39	Vòng bi	22312 E	Vòng	12						≤60 ngày			
40	Vòng bi	22313 E	Vòng	2						≤60 ngày			
41	Vòng bi	22320 E	Vòng	2						≤60 ngày			
42	Vòng bi	22328 E1-XL	Vòng	0						≤60 ngày			
43	Vòng bi	23052 CC/W33	Vòng	4						≤90 ngày			
44	Vòng bi	23056 CC/W33	Vòng	4						≤90 ngày			
45	Vòng bi	23134 CCK/W33	Vòng	4						≤60 ngày			
46	Vòng bi	23136 CCK/W33	Vòng	4						≤60 ngày			
47	Vòng bi	2316	Vòng	2						≤60 ngày			
48	Vòng bi	23226 CC/W33	Vòng	4						≤60 ngày			
49	Vòng bi	23234 CC/W33	Vòng	8						≤90 ngày			
50	Vòng bi	30205 J2/Q	Vòng	4						≤60 ngày			
51	Vòng bi	30209	Vòng	1						≤60 ngày			
52	Vòng bi	30220	Vòng	2						≤60 ngày			
53	Vòng bi	30224	Vòng	1						≤60 ngày			
54	Vòng bi	30234	Vòng	2						≤60 ngày			
55	Vòng bi	30307	Vòng	2						≤60 ngày			
56	Vòng bi	30308	Vòng	1						≤60 ngày			
57	Vòng bi	30309	Vòng	1						≤60 ngày			
58	Vòng bi	30310	Vòng	1						≤60 ngày			
59	Vòng bi	30314	Vòng	2						≤60 ngày			
60	Vòng bi	32017	Vòng	2						≤60 ngày			
61	Vòng bi	32017 X	Vòng	2						≤60 ngày			
62	Vòng bi	32028	Vòng	1						≤60 ngày			
63	Vòng bi	32040 X	Vòng	2						≤60 ngày			
64	Vòng bi	32207	Vòng	2						≤60 ngày			
65	Vòng bi	32210	Vòng	2						≤60 ngày			
66	Vòng bi	32213	Vòng	2						≤60 ngày			
67	Vòng bi	32215	Vòng	2						≤60 ngày			
68	Vòng bi	32216	Vòng	2						≤60 ngày			
69	Vòng bi	32308	Vòng	2						≤60 ngày			
70	Vòng bi	32309	Vòng	2						≤60 ngày			
71	Vòng bi	32311	Vòng	2						≤60 ngày			
72	Vòng bi	32311 B/CL7C	Vòng	8						≤60 ngày			
73	Vòng bi	32315 B/CL7C	Vòng	8						≤60 ngày			
74	Vòng bi	32317 J2	Vòng	2						≤60 ngày			
75	Vòng bi	3312 A	Vòng	2						≤60 ngày			
76	Vòng bi	352226x2	Vòng	1						≤60 ngày			
77	Vòng bi	51124	Vòng	6						≤60 ngày			
78	Vòng bi	6004-2Z	Vòng	2						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
79	Vòng bi	6006	Vòng	1						≤60 ngày			
80	Vòng bi	6013-2Z	Vòng	2						≤60 ngày			
81	Vòng bi	6018	Vòng	4						≤60 ngày			
82	Vòng bi	609-2Z	Vòng	8						≤60 ngày			
83	Vòng bi	6202-2Z	Vòng	2						≤60 ngày			
84	Vòng bi	6204-2Z	Vòng	4						≤60 ngày			
85	Vòng bi	6205-2Z	Vòng	7						≤60 ngày			
86	Vòng bi	6206-2Z/C3	Vòng	16						≤60 ngày			
87	Vòng bi	6208	Vòng	8						≤60 ngày			
88	Vòng bi	6208-2Z	Vòng	4						≤60 ngày			
89	Vòng bi	6208-2Z/C3	Vòng	2						≤60 ngày			
90	Vòng bi	6209/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
91	Vòng bi	6209-2Z	Vòng	1						≤60 ngày			
92	Vòng bi	6209-2Z/C3	Vòng	5						≤60 ngày			
93	Vòng bi	6211-2Z	Vòng	1						≤60 ngày			
94	Vòng bi	6212-2Z/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
95	Vòng bi	6213	Vòng	1						≤60 ngày			
96	Vòng bi	6213-2RS1	Vòng	2						≤60 ngày			
97	Vòng bi	6215-2Z/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
98	Vòng bi	6302	Vòng	3						≤60 ngày			
99	Vòng bi	6306-2Z	Vòng	12						≤60 ngày			
100	Vòng bi	6306-2Z/C3	Vòng	2						≤60 ngày			
101	Vòng bi	6307	Vòng	1						≤60 ngày			
102	Vòng bi	6307-2Z	Vòng	5						≤60 ngày			
103	Vòng bi	6308	Vòng	7						≤60 ngày			
104	Vòng bi	6308-2Z/C3	Vòng	8						≤60 ngày			
105	Vòng bi	6309	Vòng	12						≤60 ngày			
106	Vòng bi	6309/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
107	Vòng bi	6309-2Z/C3	Vòng	7						≤60 ngày			
108	Vòng bi	6310	Vòng	4						≤60 ngày			
109	Vòng bi	6311/C3	Vòng	4						≤60 ngày			
110	Vòng bi	6311-2Z	Vòng	6						≤60 ngày			
111	Vòng bi	6313/C3	Vòng	4						≤60 ngày			
112	Vòng bi	6314/C3	Vòng	7						≤60 ngày			
113	Vòng bi	6314-2Z/C3	Vòng	2						≤60 ngày			
114	Vòng bi	6317/C3	Vòng	8						≤60 ngày			
115	Vòng bi	6319/C3	Vòng	3						≤60 ngày			
116	Vòng bi	6322/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
117	Vòng bi	7210 BECBM	Vòng	2						≤60 ngày			
118	Vòng bi	7214 BECBM	Vòng	2						≤60 ngày			
119	Vòng bi	7214 BECBM	Vòng	2						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
120	Vòng bi	7224 BCBM	Vòng	6						≤60 ngày			
121	Vòng bi	7226 BCBM	Vòng	8						≤60 ngày			
122	Vòng bi	7230 BCBM	Cái	3						≤60 ngày			
123	Vòng bi	7310 BECBM	Vòng	2						≤60 ngày			
124	Vòng bi	7312 BECBM	Vòng	10						≤60 ngày			
125	Vòng bi	7314 BECBM	Vòng	8						≤60 ngày			
126	Vòng bi	7316 BECBM	Vòng	4						≤60 ngày			
127	Vòng bi	7318 BECBM	Vòng	6						≤60 ngày			
128	Vòng bi	7319 BECBM	Vòng	4						≤60 ngày			
129	Vòng bi	81130-M-A	Vòng	2						≤90 ngày			
130	Vòng bi	81252-M	Vòng	2						≤90 ngày			
131	Vòng bi	90381/90744D; Bao gồm 1 cone đơn 1 cup đơn (90381-20024 & 90744-20024)	Vòng	8						≤90 ngày			
132	Vòng bi	NJ 217 ECM	Vòng	3						≤60 ngày			
133	Vòng bi	NJ 2316 ECML/C3	Vòng	1						≤60 ngày			
134	Vòng bi	NJ 314 ECM	Vòng	1						≤60 ngày			
135	Vòng bi	NJ 314 ECM	Vòng	1						≤60 ngày			
136	Vòng bi	NJ 326 ECM	Vòng	3						≤60 ngày			
137	Vòng bi	NU 2224 ECML	Vòng	1						≤60 ngày			
138	Vòng bi	NU 2313 ECML/C3	Vòng	2						≤60 ngày			
139	Vòng bi	NU 2316 ECML/C3	Vòng	2						≤60 ngày			
140	Vòng bi	NU 312 ECM	Vòng	4						≤60 ngày			
141	Vòng bi	NU 317 ECM	Vòng	1						≤60 ngày			
142	Vòng bi	NU 318 ECM	Vòng	7						≤60 ngày			
143	Vòng bi	NU 319 ECM	Vòng	1						≤60 ngày			
144	Vòng bi	NU 322 ECM	Vòng	4						≤60 ngày			
145	Vòng bi	NUP 2308 ECP	Vòng	2						≤60 ngày			
146	Vòng bi	NUP 2310 ECP	Vòng	2						≤60 ngày			
147	Vòng bi	RN206M	Vòng	6						≤60 ngày			
148	Vòng bi	SL 192320-TB-XL-BR-C3	Vòng	2						≤90 ngày			
149	Vòng bi	SL182922-B-XL	Vòng	2						≤90 ngày			
150	Vòng bi	SL183030-A	Vòng	2						≤90 ngày			
151	Vòng bi	YAR 210-2F	Vòng	12						≤60 ngày			
152	Phốt	100x120x12 HMSA10 RG	Cái	3						≤60 ngày			
153	Phốt	100X120X12 HMSA10 RG	Cái	16						≤60 ngày			
154	Phốt	108x170x15 HMSA10 V	Cái	1						≤60 ngày			
155	Phốt	110x140x12 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
156	Phốt	120x140x13 HMSA10 RG	Cái	16						≤60 ngày			
157	Phốt	120x150x12	Cái	1						≤60 ngày			
158	Phốt	120x150x15 HMSA10 RG	Cái	9						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
159	Phốt	130x160x12 HMSA10 RG	Cái	1						≤60 ngày			
160	Phốt	130x160x15 HMSA10 RG	Cái	8						≤60 ngày			
161	Phốt	140x170x15 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
162	Phốt	150x180x15 HMSA10 RG	Cái	23						≤60 ngày			
163	Phốt	160x190x15 HMSA10 RG	Cái	14						≤60 ngày			
164	Phốt	170x200x15 HMSA10RG	Cái	1						≤60 ngày			
165	Phốt	200x230x15 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
166	Phốt	25x40x5 TC NBR	Cái	1						≤60 ngày			
167	Phốt	280x320x20; Vật liệu FKM	Cái	4						≤60 ngày			
168	Phốt	30x42x7 HMSA10 RG	Cái	6						≤60 ngày			
169	Phốt	35x52x5 TC NBR	Cái	1						≤60 ngày			
170	Phốt	35x52x8	Cái	1						≤60 ngày			
171	Phốt	35x60x10	Cái	1						≤60 ngày			
172	Phốt	45x60x10 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
173	Phốt	45x65x10 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
174	Phốt	45x65x8	Cái	1						≤60 ngày			
175	Phốt	50x65x8 HMSA 10 RG	Cái	1						≤60 ngày			
176	Phốt	50x90x10	Cái	1						≤60 ngày			
177	Phốt	55x100x10 HMSA10 RG	Cái	2						≤60 ngày			
178	Phốt	55x70x8 HMSA10 RG	Cái	4						≤60 ngày			
179	Phốt	55x75x10 HMSA10 RG	Cái	4						≤60 ngày			
180	Phốt	55x80x12	Cái	2						≤60 ngày			
181	Phốt	60x90x10 HMSA10 V	Cái	1						≤60 ngày			
182	Phốt	62x85x10 HMSA10 V	Cái	2						≤60 ngày			
183	Phốt	65x100x12/8 HMSA 10 RG	Cái	1						≤60 ngày			
184	Phốt	65X90X10 HMSA10 RG	Cái	9						≤60 ngày			
185	Phốt	65x90x10 HMSA10 V	Cái	1						≤60 ngày			
186	Phốt	70x110x10 HMSA10 RG	Cái	1						≤60 ngày			
187	Phốt	70x90x10 HMSA10 V	Cái	1						≤60 ngày			
188	Phốt	80x100x10 HMSA10 RG	Cái	8						≤60 ngày			
189	Phốt	80x105x10	Cái	1						≤60 ngày			
190	Phốt	85x110x12 HMSA10 RG	Cái	19						≤60 ngày			
191	Phốt	85x130x12 HMSA10 RG	Cái	1						≤60 ngày			
192	Phốt	95x120x12 HMSA10 RG	Cái	9						≤60 ngày			
193	Phốt	Bao gồm phốt 24x40.7x11mm, gioăng Inox 29.5x29.5x11mm	Bộ	2						≤60 ngày			
	Tổng cộng												